

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 4 – THÁI NGUYÊN**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 04/9/2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÁI NGUYÊN**

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bích Hiền;

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Ngư- Bà Nguyễn Thị Chuyên

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hà Sỹ Cách, Thư ký Tòa án.

***Đại diện VKSND khu vực 4-Thái Nguyên tham gia phiên tòa:*** Ông Bùi Đức Nghĩa, chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025 tại Hội trường Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 22/2025/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025 “ Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 15/8/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nhữ Minh T, sinh năm 1996

Nơi thường trú: Tổ C, phường B, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bị đơn: Anh Phan Tiến Q, sinh năm 1988

Nơi thường trú: xóm S, xã V, tỉnh Thái Nguyên, hiện đang chấp hành án tại Trại giam P – Bộ C

(Có mặt chị T, vắng mặt anh Q có đơn xin xử vắng mặt )

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 11/6/2025 và đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, biên bản hoà giải, nguyên đơn chị Nhữ Minh T trình bày:

Chị và anh Phan Tiến Q được tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (nay là xã V, tỉnh Thái Nguyên) vào tháng 01 năm 2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xóm S, xã C, huyện P (nay là xóm S, xã V, tỉnh Thái Nguyên) thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, đến khoảng tháng 5/2017 anh Q vi phạm pháp luật, bị Tòa án xét xử và đi chấp hành án tại Trại giam P – Bộ C. Sau đó chị vẫn thường xuyên vào thăm anh Q, tuy nhiên do một mình tự nuôi hai con, phải lo trang trải cuộc sống nên ít có thời gian vào Trại thăm dẫn đến vợ chồng phát

sinh mâu thuẫn và bảo chị làm đơn ly hôn. Đến nay, chị xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không có sự hỗ trợ chia sẻ trong cuộc sống nên tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Giữa chị và anh Q có 02 con chung là Phan Anh Đ, sinh ngày 23/11/2014 và Phan Kiều D, sinh ngày 07/11/2017 hiện cả hai con đang ở với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\*Tại bản tự khai ngày 29/7/2025 anh Q xác định giữa anh và chị T đăng ký kết hôn năm 2015, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khi anh bị bắt thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân trong gia đình anh là lao động chính, do vướng vào vòng lao lý không có thu nhập nên không chăm lo được cho vợ, con nên nhất trí giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: anh xác định vợ chồng có 02 con chung, khi ly hôn nhất trí chị T là người nuôi con.

Về tài sản chung: anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, về nợ chung vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\*Tại bản tự khai cháu Phan Anh Đ, sinh ngày 23/11/2014 và cháu Phan Kiều D, sinh ngày 07/11/2017 đều trình bày có nguyện vọng được ở với mẹ, do mẹ là người quan tâm chăm sóc, đối với cháu Đ trình bày khi được 03 tuổi bố đã ở Trại giam P, đối với cháu D xác định khi cháu được sinh ra thì bố đã ở trại, hiện cháu ở cùng mẹ và anh trai tại nhà bà ngoại nên nguyện vọng ở với mẹ.

Tại phiên tòa chị T giữ nguyên quan điểm khởi kiện đề nghị được giải quyết ly hôn, yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán chấp hành đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nhữ Minh T. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nhữ Minh T ly hôn với anh Phan Tiến Q; Về con chung: Giao hai con chung là Phan Anh Đ, sinh ngày 23/11/2014 và cháu Phan Kiều D, sinh ngày 07/11/2017 cho chị Nhữ Minh T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác, về

cấp dưỡng nuôi con: tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Q cho đến khi có yêu cầu; về tài sản chung, công nợ chung không giải quyết do không yêu cầu; về án phí chi T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về tố tụng:**

[1.1] Về thẩm quyền: anh Phan Tiến Q hiện đang cải tạo tại Trại giam P-Bộ C, địa chỉ xã V, tỉnh Thái Nguyên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Thái Nguyên.

[1.2] Về việc vắng mặt của bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Q, tuy nhiên bị đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng do đó Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại khoản 3 Điều 203, Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa anh Q có đơn xin xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: xét chị Nhữ Minh T và anh Phan Tiến Q có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (nay là xã V, tỉnh Thái Nguyên) trên cơ sở tự nguyện đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Qua lời khai của anh Q có trong hồ sơ và lời khai của chị T tại phiên tòa thấy: giữa chị T và anh Q không có sự yêu thương chăm sóc từ năm 2017, do anh Q vi phạm pháp luật về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” mức án phạt 20 năm, các đương sự đều thống nhất về việc đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xác định việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng giữa anh Q và chị T không thể thực hiện được, việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nhữ Minh T được ly hôn với anh Phan Tiến Q là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Giữa chị T và anh Q có 02 con chung là Phan Anh Đ, sinh ngày 23/11/2014 và cháu Phan Kiều D, sinh ngày 07/11/2017, nguyện vọng chị T muốn được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng, quá trình giải quyết anh Q nhất trí để chị T là người trực tiếp nuôi 02 con chung. Xét thấy: hai bên đương sự đều thống nhất khi ly hôn chị T sẽ là người trực tiếp nuôi 02 con chung, hiện nay hai con đang sống cùng chị T, các con có cuộc sống ổn định và đều có nguyện vọng muốn được sống với mẹ, đồng thời hiện nay anh Q đang chấp hành bản án nên không có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng các con, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của pháp luật. Do

đó, Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo được quyền lợi mọi mặt cho các con, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Người không trực tiếp nuôi con được quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con và thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Q cho đến khi người trực tiếp nuôi con có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nhữ Minh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nhữ Minh T được ly hôn anh Phan Tiến Q.

2. Về con chung: Chị T và anh Q có 02 (hai) con chung.

2.1 Giao hai con chung là Phan Anh Đ, sinh ngày 23/11/2014 và cháu Phan Kiêu D, sinh ngày 07/11/2017 cho chị Nhữ Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

2.2 Anh Phan Tiến Q được quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con và thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết

các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng cho con chung.

2.3 Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Q cho đến khi chị T có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nhữ Minh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000361 ngày 23/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên).

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Chị Nhữ Minh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Phan Tiến Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 4 – Thái Nguyên;
- UBND xã Vô Tranh, tỉnh TN;
- Các đương sự;
- Lưu: HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Thị Bích Hiền**